

## BÌNH LUẬN KHOA HỌC VỀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG ÁN LỆ SỐ 59/2023/AL VỀ LỖI CÓ Ý GIÁN TIẾP TRONG VỤ ÁN “GIẾT NGƯỜI”

**PGS. TS NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA**

Khoa Luật hình sự, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh  
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law  
Email: ntphoa@hcmulaw.edu.vn

### Tóm tắt

*Án lệ số 59/2023/AL về tội giết người đặt ra vấn đề lý luận phức tạp về quan hệ nhân quả và lỗi khi hành vi của người phạm tội không trực tiếp gây ra cái chết của nạn nhân, mà hành vi của chính nạn nhân gây ra thiệt hại tính mạng cho họ. Trên cơ sở lý luận và tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, bài viết làm rõ bản chất của quan hệ nhân quả và đặc điểm của lỗi trong mối liên hệ chặt chẽ với quan hệ nhân quả. Qua đó, bài viết đóng góp vào nhận thức khoa học về tội giết người, đặc biệt là việc hiểu và áp dụng thống nhất Án lệ.*

**Từ khóa:** *tội giết người, Án lệ số 59/2023/AL, quan hệ nhân quả, lỗi trong tội giết người*

### Abstract

*Precedent No. 59/2023/AL on murder raises complex theoretical issues concerning causation and fault where the offender's conduct does not directly cause death, but the fatal outcome results from the victim's act under the influence of a prior dangerous act. Drawing on criminal law theory and selected comparative experience, this article clarifies the nature of the causal relationship and the corresponding form of fault, thereby strengthening the theoretical basis for the consistent application of the Precedent and to scholarly discourse on the offence of murder.*

**Keywords:** *the offence of murder, Precedent No. 59/2023/AL, causation in criminal law, fault in murder offence*

**DOI:** <https://doi.org/10.70236/khplvn.663>

**Ngày nhận bài:** 05/11/2025

**Ngày duyệt đăng:** 15/01/2026

Tội giết người là loại tội có tính nguy hiểm rất cao vì xâm phạm đến quyền sống, một quyền cơ bản và thiêng liêng của con người. Trong thực tiễn, hành vi giết người có thể được thực hiện bằng nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau, trong đó có trường hợp người phạm tội không trực tiếp tác động lên cơ thể nạn nhân, nhưng hành vi nguy hiểm của họ lại là nguyên nhân dẫn đến việc nạn nhân có những hành vi trực tiếp gây thiệt hại cho tính mạng của mình. Án lệ số 59/2023/AL<sup>1</sup> là một trường hợp điển hình về tình huống phức tạp này và đã đưa ra giải pháp áp dụng pháp luật về tội giết người với lỗi cố ý gián tiếp.<sup>2</sup>

Giải pháp pháp lý trong Án lệ số 59/2023/AL đã đóng góp cho thực tiễn xét xử một ví dụ phức tạp về việc xác định quan hệ nhân quả và lỗi trong tội giết người. Tuy nhiên, Án lệ chủ yếu dừng lại ở việc đưa ra đường lối xét xử mà chưa luận giải một cách hệ thống về cơ sở lý luận của việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa hành vi của người phạm tội với hậu quả chết người trong trường hợp chính hành vi của nạn nhân là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến hậu quả, cũng như chưa làm rõ vấn đề lỗi trong mối liên hệ với tính chất đặc thù của quan hệ nhân quả.

1 Án lệ số 59/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào các ngày 01, 02, 03 tháng 02 năm 2023 và được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2 Trong trường hợp có hành vi mới phát sinh can thiệp vào chuỗi hành vi – hậu quả (hành vi của nạn nhân), quan hệ nhân quả được coi là gián tiếp. Andrew Semester, quan hệ nhân quả gián tiếp Xem: Andrew Semester, Causation in (Criminal) Law, *Law Quarterly Review*, Vol. 133(3), 2017, 416–441, tr. 8, Causation\_LQR\_20160518\_final\_submitted.pdf

Theo Án lệ số 59/2023/AL, hành vi nguy hiểm của người phạm tội cấu thành tội giết người với lỗi cố ý gián tiếp. Câu hỏi đặt ra là: có thể xử lý hành vi nguy hiểm của người phạm tội dẫn đến hành vi của nạn nhân và hành vi của nạn nhân gây ra thiệt hại tính mạng của chính họ về tội giết người với lỗi cố ý trực tiếp hoặc vô ý không? Tình huống tương tự với Án lệ số 59/2023/AL cần được hiểu như thế nào để bảo đảm áp dụng chính xác và thống nhất?

Khoa học pháp lý hình sự Việt Nam hiện vẫn còn thiếu các công trình nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề pháp lý phức tạp này. Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết bình luận khoa học Án lệ số 59/2023/AL nhằm làm rõ các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội giết người, đặc biệt là quan hệ nhân quả và lỗi. Trên cơ sở luận giải những vấn đề lý luận, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài, bài viết đánh giá khoa học việc áp dụng pháp luật trong Án lệ số 59/2023/AL. Qua đó, bài viết hướng tới việc đóng góp vào nhận thức khoa học và hỗ trợ áp dụng thống nhất pháp luật hình sự trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự về tội giết người.

### **1. Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội giết người và vấn đề khoa học về quan hệ nhân quả và lỗi trong cấu thành tội phạm**

Điều 2 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024 và 2025) (“BLHS năm 2015”) quy định về cơ sở của trách nhiệm hình sự: “Chỉ người nào phạm một tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”. Để xác định một người phạm vào một tội cụ thể quy định trong BLHS, trước hết cần phải nhận thức đúng đắn về các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội phạm đó.

Hành vi nguy hiểm cho xã hội cấu thành tội giết người khi thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội này. Cụ thể: về khách thể, hành vi phạm tội xâm hại đến quyền sống của nạn nhân. Đối tượng tác động của tội phạm là con người đang sống. Về mặt khách quan, hành vi khách quan của tội phạm là hành vi tước bỏ trái pháp luật tính mạng của nạn nhân, hậu quả nguy hiểm là nạn nhân chết (trường hợp tội phạm hoàn thành) và giữa hành vi với hậu quả có quan hệ nhân quả. Về mặt chủ quan, người phạm tội có lỗi cố ý (cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp). Về chủ thể, người phạm tội phải từ đủ 14 tuổi trở lên và có năng lực trách nhiệm hình sự.<sup>3</sup> Các dấu hiệu pháp lý đặc trưng này đã được phân tích trong nhiều tài liệu khoa học.<sup>4</sup> Vì vậy, trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ tập trung vào những vấn đề đặc biệt liên quan đến Án lệ số 59/2023/AL mà các tài liệu chưa phân tích sâu.

Hành vi khách quan của tội giết người là hành vi tước bỏ trái pháp luật tính mạng của người khác và về lý luận, đây là hành vi do người phạm tội thực hiện. Thực tế cho thấy trong các vụ án hình sự về tội giết người, người phạm tội thường có hành vi đâm, chém, chặt, đập, dẫm, đá... vào cơ thể của nạn nhân. Nói cách khác, hành vi của người phạm tội *trực tiếp* tác động lên cơ thể nạn nhân với tính chất tước bỏ tính mạng của họ trái pháp luật.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt, người phạm tội không có hành vi trực tiếp tác động lên cơ thể nạn nhân mà hành vi của họ dẫn đến biến đổi xử sự bình thường của nạn nhân. Nạn nhân có hành vi gây ra cái chết của chính mình. Ví dụ: người phạm tội đuổi đánh nạn nhân quyết liệt, thể hiện ý chí tước bỏ tính mạng của nạn nhân. Nạn nhân hoảng sợ bỏ chạy, khoảng cách giữa người phạm tội và nạn nhân ngày càng gần. Khi chạy đến cuối đường, nạn nhân nhìn thấy một con sông chắn ngang. Vì sợ bị đánh chết, mặc dù không biết bơi, nạn nhân vẫn nhảy xuống sông, và hậu quả là nạn nhân chết. Trong những

<sup>3</sup> Điều 123 và Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

<sup>4</sup> Ví dụ: Trần Thị Quang Vinh, Chương II “Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người” trong Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam* (Phần các tội phạm – Quyển 1) (Tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, 2019, tr. 53-56; Nguyễn Ngọc Hòa, Chương II “Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của con người” trong Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm* (Quyển 1), Nxb. Công an Nhân dân, 2021, tr. 57-62.

trường hợp như vậy, câu hỏi là hành vi của người phạm tội có thỏa mãn dấu hiệu của tội giết người không? Để giải quyết vấn đề đã nêu, cần phải xem xét thấu đáo vấn đề quan hệ nhân quả và lỗi.

Trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam, quan hệ nhân quả được hiểu là “mối liên hệ giữa một hiện tượng là hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội đóng vai trò là nguyên nhân với một hiện tượng là hậu quả nguy hiểm cho xã hội đóng vai trò là kết quả”.<sup>5</sup> Để xác định giữa hành vi và hậu quả nguy hiểm có mối quan hệ nhân quả, thì về thời gian, hành vi nguy hiểm cho xã hội phải xảy ra trước, hậu quả xảy ra sau. Nếu hậu quả nguy hiểm hiện diện trước hành vi nguy hiểm cho xã hội thì giữa chúng không thể tồn tại quan hệ nhân quả. Ngoài ra, chỉ riêng yếu tố thời gian chưa đủ để xác định giữa hành vi và hậu quả nguy hiểm cho xã hội có tồn tại quan hệ nhân quả.

Hành vi nguy hiểm cho xã hội phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả.<sup>6</sup> Nếu hành vi nguy hiểm không chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả thì hành vi và hậu quả đó không có quan hệ nhân quả. Khả năng thực tế này phải được đánh giá trong từng hoàn cảnh phạm tội cụ thể và có thể được xem xét trong sự tổng hợp của hành vi này với một hoặc nhiều hiện tượng khác.<sup>7</sup>

Đối với các vụ án xâm phạm tính mạng, để đánh giá khả năng thực tế của thiệt hại về tính mạng cần phải căn cứ vào nhiều tình tiết khách quan như: công cụ, phương tiện phạm tội, vị trí tác động của hành vi lên cơ thể nạn nhân, số lượng hành vi, tính mãnh liệt của hành vi và đặc biệt là cơ chế (cách thức) thực hiện hành vi. Có thể lấy ví dụ: người phạm tội dùng dao sắc nhọn tấn công vào vùng ngực trái của nạn nhân, nhưng nếu cơ chế tấn công là gạch ngang trên bề mặt da mà không đâm sâu vào ngực thì khó có khả năng thực tế dẫn đến thiệt hại tính mạng của nạn nhân, mặc dù đây là hành vi dùng hung khí nguy hiểm (dao sắc nhọn) tấn công vào vùng trọng yếu của cơ thể nạn nhân (vùng ngực trái). Ngoài ra, cũng cần phải xem xét một cách toàn diện về sự tổng hợp giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội với các tình tiết khác như: tình trạng của nạn nhân, tư thế khi thực hiện hành vi... Trong những vụ án có nghi ngờ về khả năng thực tế hành vi của người phạm tội có thể gây ra cái chết cho nạn nhân, thì cơ quan có thẩm quyền cần thu thập chứng cứ thuyết phục về vấn đề này trước khi kết luận.<sup>8</sup>

Hậu quả nguy hiểm cho xã hội xảy ra là sự hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả.<sup>9</sup> Nói cách khác, hậu quả nguy hiểm cho xã hội là kết quả của chính hành vi nguy hiểm cho xã hội. Tính chất này của mối quan hệ giữa hành vi nguy hiểm cho xã hội và hậu quả nguy hiểm cho xã hội giúp phân biệt quan hệ tất yếu với quan hệ ngẫu nhiên giữa các hiện tượng.<sup>10</sup>

Trong những trường hợp người phạm tội không có hành vi tác động trực tiếp lên cơ thể nạn nhân, mà chính hành vi của nạn nhân gây ra cái chết của họ, thì quan hệ nhân quả giữa hành vi của người phạm tội và hậu quả chết người được xác định như thế nào? Trong ví dụ cụ thể nêu trên, chính hành vi nhảy xuống sông của nạn nhân khi không biết bơi dẫn đến cái chết của họ. Rõ ràng giữa hành vi của nạn nhân và hậu quả là cái chết của chính họ có quan hệ nhân quả. Vậy, giữa hành vi của người phạm tội (hành vi đuổi đánh, truy sát) và cái chết

5 Vũ Thị Thúy, Chương VI. “Mặt khách quan của tội phạm” trong Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Phần chung* (Tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, 2019, tr. 131.

6 Như trên, tr. 132.

7 Nguyễn Ngọc Hòa, Chương VI “Mặt khách quan của tội phạm” trong Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Tập 1*, Nxb. Công an Nhân dân, 2010, tr. 115; Vũ Thị Thúy, *lđđ*, tr. 132.

8 Chứng cứ có vai trò rất quan trọng trong giải quyết các vụ án hình sự. Xem: Vũ Thị Quyên, “Exclusionary rule of illegal evidence under China’s criminal procedure law and recommendations for Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 12, No. 3, 2024, tr. 75. Doi: <https://doi.org/10.2478/vjls-2024-0021>

9 Vũ Thị Thúy, *lđđ*, tr. 132.

10 Võ Khánh Vinh, Chương IX. Mặt khách quan của tội phạm, trong Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, 2009, tr. 200.

của nạn nhân có quan hệ nhân quả hay không? Nếu hành vi của người phạm tội không có quan hệ nhân quả với thiệt hại tính mạng của nạn nhân thì người phạm tội không chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người.

Trong trường hợp này và các vụ án tương tự, việc xác định giữa hành vi của người phạm tội và hậu quả chết người có tồn tại quan hệ nhân quả hay không là vấn đề phức tạp do sự hiện diện của hành vi khác (hành vi của nạn nhân) trong chuỗi hành vi - hậu quả. Trong những trường hợp như vậy, việc làm rõ tính chất nội tại và tất yếu của mối quan hệ nhân quả giữa hành vi nguy hiểm của người phạm tội với hậu quả chết người đặt ra nhiều thách thức. Về vấn đề này, trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam không có tài liệu bình luận cụ thể mà chỉ dừng lại ở kiến thức chung trong các giáo trình.

Trong khoa học pháp lý hình sự một số nước trên thế giới, nhiều tài liệu khoa học cũng xác định vấn đề quan hệ nhân quả trong luật hình sự là vấn đề rất phức tạp.<sup>11</sup> Để xác định giữa hành vi với hậu quả tồn tại quan hệ nhân quả thì hành vi đó phải thỏa mãn hai điều kiện: hành vi đó là nguyên nhân thực tế (*cause of fact*) và hành vi đó là nguyên nhân gần hay nguyên nhân pháp lý (*proximate cause or legal causation*) của hậu quả.<sup>12</sup>

Điều kiện về “nguyên nhân thực tế” có sự tương đồng nhất định về điều kiện cần của quan hệ nhân quả trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam, có nghĩa là hành vi phải chứa đựng khả năng thực tế phát sinh hậu quả nguy hiểm. Để xác định hành vi của người phạm tội có phải là nguyên nhân thực tế của hậu quả nguy hiểm không, tiêu chí “nếu không có” (*but-for*) hay còn gọi là “quan hệ cần” (*sine qua non relationship*) được chấp nhận rộng rãi. Nội dung chính của tiêu chí này là hành vi của người phạm tội được xác định là nguyên nhân thực tế khi thiệt hại không xảy ra nếu không có hành vi nguy hiểm của người phạm tội.<sup>13</sup> Nói cách khác, nếu người phạm tội không thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì hậu quả không xảy ra.

Nền tảng cốt lõi của điều kiện “nguyên nhân thực tế” là dựa trên bản chất của sự vận động của các hiện tượng trong tự nhiên. Ví dụ: A dùng súng bắn vào tim nạn nhân. Xét ở khía cạnh vật chất trong thế giới tự nhiên, chính lỗ thủng ở tim của nạn nhân làm cho nạn nhân chết và điều này có thể được chứng minh về mặt khoa học thông qua các phản ứng sinh hóa của cơ thể. Lỗ thủng này bị gây ra bởi viên đạn mà A dùng súng bắn vào nạn nhân.<sup>14</sup> Như vậy, hành vi của A là nguyên nhân thực tế đối với cái chết của nạn nhân. Hành vi của A có quan hệ nhân quả với cái chết của nạn nhân.

Tuy nhiên, một trong những hạn chế của tiêu chí “nếu không có” là có thể dẫn đến giải thích quá rộng về quan hệ nhân quả. Ví dụ: khi chiếc bình hoa ở trên bàn bị rơi xuống đất và vỡ (hậu quả), với tiêu chí “nếu không có”, hành vi có quan hệ nhân quả bao gồm hành vi của người đã đụng vào bình hoa và cả hành vi của người sản xuất ra bình hoa, vì nếu bình hoa được làm bằng chất liệu đủ cứng thì nó đã không vỡ.<sup>15</sup> Vì hạn chế này, bên cạnh “nguyên nhân thực tế”, hành vi đó còn phải là “nguyên nhân gần” hay còn được gọi là “nguyên nhân pháp lý”. Tiêu chí để xác định nguyên nhân gần (nguyên nhân pháp lý) gồm: hành vi đó phải là nguyên nhân “đáng kể” dẫn đến hậu quả và hậu quả đó có thể thấy trước.<sup>16</sup>

11 Erik Wijens, “Considering causation in criminal law”, *The Journal of Criminal Law*, Vol. 78(2), 2014, tr. 164, Doi: 10.1350/jcla.2014.78.2.909; Eric Colvin, “Causation in criminal law”, *Bond Law Review*, Vol 1(2), 1989, tr. 253 <http://publications.bond.edu.au/blr/vol1/iss2/7>

12 Erik Wijens, *tlđđ* (11), tr. 164; Andrew Semester, “Causation in (criminal) law”, *Law Quarterly Review*, Vol. 133(3), 2017, tr. 1-2; Daniel James Bansal, *Causation in criminal law*, Luận án Tiến sỹ, Trường đại học Birmingham, nước Anh (UK), tr. 25-27; Catherine Elliott and Frances Quinn (11th Edition), *Criminal Law*, Pearson, 2014, tr. 59; Joycelyn M. Pollock (10th Edition), *Criminal Law*, Routledge: Taylor & Francis Group, 2013, tr. 61.

13 Eric Colvin, *tlđđ* (11), tr. 254; Daniel James Bansal, *tlđđ* (12), tr. 20-21; Andrew Semester, *tlđđ* (12), tr. 3.

14 Andrew Semester, *tlđđ* (12), tr. 2.

15 Các bài viết còn bình luận nhiều hạn chế khác của học thuyết nguyên nhân thực tế (*but-for*), tuy nhiên trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ chọn lựa những nội dung liên quan.

16 Eric Colvin, *tlđđ* (11), tr. 259; Daniel James Bansal, *tlđđ* (12), tr. 26.

*Thứ nhất*, hành vi nguy hiểm phải là nguyên nhân “đáng kể” dẫn đến hậu quả. Lưu ý rằng từ ngữ sử dụng trong các tài liệu và thực tế xét xử của Tòa án về tiêu chí này có sự khác nhau đối với những tình huống và loại tội cụ thể. Các từ ngữ đó bao gồm: nguyên nhân trọng yếu (*substantial*), nguyên nhân chính (*main/principal*) hoặc nguyên nhân chủ yếu (*predominant*). Dù được diễn đạt bằng nhiều thuật ngữ khác nhau, về bản chất, tiêu chí này chỉ đòi hỏi hành vi nguy hiểm là nguyên nhân “đáng kể” (*significant*) nhằm loại bỏ các nguyên nhân không đáng kể hoặc quá nhỏ (*de minimis*).<sup>17</sup> Tiêu chí này giúp loại trừ những hành vi phát sinh và can thiệp vào chuỗi hành vi - hậu quả, nhưng không làm ảnh hưởng đến quan hệ nhân quả hoặc được coi là không có quan hệ nhân quả với hậu quả. Để hiểu rõ hơn điều này có thể quan sát vụ án thực tế sau đây.

“Nạn nhân bị D đâm bằng lưỡi lê. Phổi của nạn nhân bị đâm thủng, nhưng những người chăm sóc không nhận ra. Trên đường đưa đến trạm quân y, nạn nhân đã bị làm rơi hai lần. Tại trạm quân y, sĩ quan quân y không chẩn đoán được mức độ nghiêm trọng của tình trạng vết thương và áp dụng phương pháp điều trị sai, điều này rất có khả năng đã làm gia tăng nguy cơ tử vong. Có thể nạn nhân không tử vong nếu không có sự điều trị sai lầm đó. Tuy nhiên, việc kết án D về tội giết người vẫn được khẳng định là hoàn toàn đúng đắn. Tòa án nhận định, vết thương ban đầu vẫn là một nguyên nhân “đáng kể” dẫn đến cái chết của nạn nhân, bởi vì vết đâm và tình trạng xuất huyết sau đó là những yếu tố y khoa trực tiếp giải thích cho cái chết, mặc dù chúng tồn tại đồng thời với các yếu tố đóng góp khác”.<sup>18</sup>

Trong vụ án trên, mặc dù hành vi của các sĩ quan quân y là “nguyên nhân thực tế” dẫn đến cái chết, bởi vì nếu họ không sai lầm trong điều trị thì nạn nhân đã không chết (thỏa mãn tiêu chí “nếu không có”). Tuy nhiên, hành vi sai lầm trong điều trị không làm ảnh hưởng đến quan hệ nhân quả giữa hành vi đâm thủng phổi và cái chết của nạn nhân. Việc chảy máu sau khi bị đâm đã làm nạn nhân chết. Chỉ riêng nguyên nhân này đã gây ra cái chết mà không cần thêm bất cứ nguyên nhân nào khác.<sup>19</sup>

Lưu ý rằng, trên thực tế có thể có nhiều hành vi đồng thời là nguyên nhân “đáng kể”; trong trường hợp như vậy, mỗi hành vi đều có quan hệ nhân quả với hậu quả.<sup>20</sup> Ví dụ: A và B cùng dùng súng trường bắn vào tim nạn nhân (không cùng cố ý). Tuy nhiên, A bắn trước B vài giây và về phản ứng tự nhiên, chỉ riêng phát súng của A hoặc B đều có thể làm nạn nhân chết. Như vậy, hành vi của A hoặc hành vi của B đều là những nguyên nhân đáng kể dẫn đến cái chết của nạn nhân, vì vậy hành vi của A có quan hệ nhân quả với cái chết của nạn nhân và hành vi của B có quan hệ nhân quả với cái chết của nạn nhân.

*Thứ hai*, hành vi có khả năng dẫn đến hậu quả mà hậu quả này có thể thấy trước.<sup>21</sup> Tiêu chí “có thể thấy trước” (*foreseeability*) có nghĩa là trong điều kiện bình thường của cuộc sống, hậu quả nguy hiểm mà hành vi này gây ra được dự báo (thấy trước) sẽ xảy ra và một người bình thường có thể nhận thức được điều này. Do vậy, tiêu chí này cũng có thể nói một cách đầy đủ hơn là “có thể thấy trước một cách hợp lý” (*reasonable foreseeability*). Tiêu chí này rất quan trọng vì giúp phân biệt với những trường hợp mà người phạm tội không phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả vì hành vi của họ không có quan hệ nhân quả với hậu quả. Ví dụ: A dùng súng bắn vào bàn chân của nạn nhân, nhưng sau đó nạn nhân muốn tự sát nên tự bắn vào đầu mình.<sup>22</sup> Trong trường hợp này, hành vi bắn vào bàn chân không thể thấy trước một cách hợp lý rằng sẽ gây ra cái chết cho nạn nhân. Người phạm tội chỉ chịu trách nhiệm về tội cố ý gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân.

17 Andrew Semester, *tlđđ* (12), tr. 10; Daniel James Bansal, *tlđđ* (12), tr. 26.

18 Andrew Semester, *tlđđ* (12), tr. 3.

19 Andrew Semester, *tlđđ* (12), tr. 3. Có quan điểm cho rằng tiêu chí này của nguyên nhân pháp lý hàm chứa nguyên nhân thực tế. Daniel James Bansal, *tlđđ* (12), tr. 47.

20 Daniel James Bansal, *tlđđ* (12), tr. 21.

21 Eric Colvin, *tlđđ* (11), tr. 259; Daniel James Bansal, *tlđđ* (12), tr. 45.

22 Xem ví dụ này tại: Daniel James Bansal, *tlđđ* (12), tr. 42.

Trong thực tế, có trường hợp giữa chuỗi hành vi – hậu quả xuất hiện sự can thiệp của một sự kiện tự nhiên hoặc hành vi của con người. Bên cạnh ví dụ nêu trên, có thể xem các ví dụ sau. A cho B uống thuốc độc có thể gây chết người, trong khi thuốc chưa phát tác, B bị đột quy và chết. Xét về nguyên nhân thực tế, B chết do đột quy. Đây là sự kiện tự nhiên xuất hiện và cái chết không phải là kết quả trực tiếp của tác động từ thuốc độc. Trường hợp này, A không chịu trách nhiệm về tội giết người hoàn thành mà chỉ chịu trách nhiệm về tội giết người ở giai đoạn chưa đạt. Hoặc ví dụ: A đánh B gãy chân (không nguy hiểm đến tính mạng) rồi bỏ đi. Khi thấy B đã bị gãy chân, do có mâu thuẫn từ trước nên C đâm B chết. Hành vi của C là hành vi can thiệp vào chuỗi hành vi – hậu quả (cố ý) và làm gián đoạn quan hệ nhân quả, vì vậy A không chịu trách nhiệm về cái chết của B.<sup>23</sup>

Một cách khái quát, hành vi (sự kiện) mới can thiệp vào chuỗi hành vi – hậu quả có thể không ảnh hưởng đến quan hệ nhân quả nếu nó không phải là nguyên nhân đáng kể. Tuy nhiên, nếu hành vi mới can thiệp vào chuỗi hành vi – hậu quả có vai trò đáng kể, nó làm đứt gãy chuỗi quan hệ nhân quả và chính hành vi mới can thiệp này là nguyên nhân dẫn đến hậu quả.

Với thực tiễn phức tạp như vậy, học thuyết “hành vi can thiệp làm gián đoạn quan hệ nhân quả” (*novus actus interveniens*) được xây dựng. Nội dung chính của học thuyết này là nếu hành vi can thiệp làm đứt gãy chuỗi hành vi – hậu quả người thực hiện hành vi ban đầu không phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả.<sup>24</sup> Thông thường, tiêu chí về sự tự do ý chí (*voluntariness*) và không thể thấy trước hậu quả một cách hợp lý là các nguyên tắc cơ bản để xác định liệu hành vi này có làm đứt gãy quan hệ nhân quả hay không. Thông thường, nếu hành vi can thiệp của bên thứ ba (bao gồm nạn nhân) được thực hiện trong sự tự do ý chí và không thể thấy trước một cách hợp lý thì nó sẽ làm đứt gãy chuỗi hành vi – hậu quả và người thực hiện hành vi nguy hiểm ban đầu không phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả.<sup>25</sup>

Trong trường hợp hành vi mới phát sinh trong chuỗi hành vi – hậu quả là hành vi của nạn nhân thì người phạm tội vẫn phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả nếu: (i) hành vi của nạn nhân có liên quan đến hành vi trái pháp luật của người phạm tội; (ii) phản ứng của nạn nhân (hành vi của nạn nhân) có thể thấy trước một cách hợp lý.<sup>26</sup> Nói cách khác, nếu đáp ứng các điều kiện này, hành vi của nạn nhân không làm gián đoạn quan hệ nhân quả và giữa hành vi của người phạm tội với hậu quả tồn tại quan hệ nhân quả.

So sánh các học thuyết trong khoa học pháp lý của các nước với Việt Nam, có thể thấy có sự tương đồng nhất định. Ngoài ra, sự hợp lý trong các học thuyết nước ngoài có thể được vận dụng để giải quyết các vấn đề phức tạp về quan hệ nhân quả mà các tài liệu hiện nay của Việt Nam còn trống vắng. Cụ thể, điều kiện cần của quan hệ nhân quả trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam (hành vi phải chứa đựng khả năng thực tế gây ra hậu quả nguy hiểm) rất tương đồng với điều kiện về nguyên nhân thực tế của các nước và tiêu chí “nếu không có” có thể tham khảo để luận giải liệu một hành vi có khả năng thực tế gây ra hậu quả nguy hiểm hay không.

Điều kiện đủ của quan hệ nhân quả trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam (hậu quả nguy hiểm cho xã hội xảy ra là sự hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả nhằm phân biệt các quan hệ có tính chất tất yếu với quan hệ ngẫu nhiên giữa các sự vật, hiện tượng) có sự tương đồng nhất định với điều kiện về nguyên nhân gần hay nguyên nhân pháp lý trong khoa học pháp lý hình sự các nước. Do vậy, thiết nghĩ chúng ta có thể học tập tri thức trong

23 Lưu ý rằng nếu hành vi mới can thiệp xảy ra trong điều kiện y khoa thì vấn đề phức tạp hơn và có nhiều khía cạnh để xem xét, đặc biệt là vấn đề loại trừ trách nhiệm. Về các vấn đề này, xem thêm: Daniel James Bansal, *ildd* (12), tr. 34-39.

24 Daniel James Bansal, *ildd* (12), tr. 28; Andrew Semester, *ildd* (12), tr. 15.

25 Daniel James Bansal, *ildd* (12), tr. 41, 49. Cũng cần phải đề cập rằng học thuyết này gây ra nhiều tranh luận khi áp dụng vào từng vụ án cụ thể. Xem thêm về tiêu chí tự do ý chí và thấy trước tại: Andrew Semester, *ildd* (12), tr. 9, 15 - 16.

26 Daniel James Bansal, *ildd* (12), tr. 42.

khoa học nước ngoài về tiêu chí: hành vi đó phải là nguyên nhân “đáng kể” và hậu quả nguy hiểm “có thể thấy trước một cách hợp lý” để làm rõ điều kiện đủ này. Tính chất “có thể thấy trước” phản ánh tính tất yếu trong mối quan hệ giữa hành vi với hậu quả và tính chất “đáng kể” để loại bỏ những nguyên nhân khác không có vai trò chính/chủ yếu đối với hậu quả.

Ngoài ra, trong trường hợp hành vi mới, can thiệp vào chuỗi hành vi – hậu quả là hành vi của nạn nhân và chính hành vi này gây thiệt hại tính mạng cho họ. Trong những trường hợp như vậy, khoa học pháp lý nước ngoài đã xử lý hợp lý và thuyết phục khi xác định: nếu hành vi của nạn nhân là phản ứng đối với hành vi phạm tội (liên quan đến hành vi phạm tội) và hành vi của nạn nhân có thể thấy trước một cách hợp lý, thì giữa hành vi của người phạm tội với hậu quả có quan hệ nhân quả. Đối chiếu với khoa học pháp lý hình sự Việt Nam, có sự phù hợp với điều kiện chung của quan hệ nhân quả. Thứ nhất, xét về điều kiện cần, hành vi của người phạm tội chứa đựng khả năng thực tế dẫn đến hành vi của nạn nhân. Nếu không có hành vi của người phạm tội, nạn nhân đã không có những hành vi gây thiệt hại cho chính họ. Đây là một khả năng thực tế hiện hữu trong thế giới tự nhiên và có thể được chứng minh bằng các quy luật diễn biến tâm lý, hành vi. Thứ hai, phản ứng của nạn nhân, nếu có thể thấy trước một cách hợp lý, phản ánh diễn biến có tính chất tất yếu trong chuỗi hành vi – hậu quả, loại bỏ những phản ứng bất thường mang tính chất ngẫu nhiên. Ví dụ: nạn nhân bị điên hoặc đang muốn tự sát nên tự cắt vào cổ mình hoặc tự nhảy xuống vực sâu mặc dù người phạm tội chỉ đánh/bắn vào chân họ và không có hành vi nào khác thể hiện sự truy sát. Với những luận giải ở trên, thiết nghĩ những hạt nhân hợp lý trong khoa học pháp lý hình sự nước ngoài rất có giá trị tham khảo để làm rõ hơn lý thuyết về quan hệ nhân quả ở Việt Nam.

Bên cạnh vấn đề quan hệ nhân quả, khi truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người, cần chú ý yếu tố lỗi, bởi vì tội giết người đòi hỏi người phạm tội có lỗi cố ý trực tiếp hoặc gián tiếp. Xác định đúng yếu tố lỗi rất quan trọng. BLHS năm 2015 của Việt Nam phân hóa rõ nét các loại tội phạm gây thiệt hại về tính mạng dựa trên hành vi và lỗi. Ở các nước, đây cũng là yếu tố quan trọng được chú ý khi giải quyết các vụ án có thiệt hại tính mạng.

Có thể lấy ví dụ sau, khán giả nhìn thấy ở trên sân khấu A dùng súng trường bắn vào tim B. Súng có đạn và B đã chết. Rõ ràng, hành vi của A dùng súng bắn vào tim nạn nhân chứa đựng khả năng thực tế dẫn đến cái chết của B và cái chết của B là sự hiện thực hóa khả năng này. Hành vi của A có quan hệ nhân quả với cái chết của B. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là A suy nghĩ gì khi bắn B? A cho rằng đây là màn biểu diễn trên sân khấu như thường lệ mà họ đã biểu diễn nhiều lần và trong súng không có đạn, hay do thù ghét B nên A muốn giết B và đã bỏ viên đạn vào súng?

Lỗi là thái độ tâm lý của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và hậu quả do hành vi đó gây ra.<sup>27</sup> Tuy các dấu hiệu về hành vi và quan hệ nhân quả đã thỏa mãn, việc tiếp theo là phải xác định lỗi của người phạm tội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 BLHS năm 2015, người phạm tội có lỗi cố ý trực tiếp nếu họ “nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra”. Trong khi đó, theo khoản 2 Điều 10 BLHS năm 2015, người phạm tội có lỗi cố ý gián tiếp nếu họ “nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra”. Việc chứng minh lỗi của người phạm tội cần phải xem xét toàn diện các tình tiết khách quan của vụ án và lời khai của các bên liên quan.

Đối với lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội thấy trước hậu quả tất yếu hoặc hậu quả cụ thể trong trường hợp phạm tội của họ. Nếu họ thấy trước hậu quả tất yếu thì luôn là lỗi cố ý trực tiếp bởi vì hậu quả tất yếu là không thể tránh khỏi; do vậy, nếu người phạm tội thực

<sup>27</sup> Phan Anh Tuấn, Chương VIII “Mặt chủ quan của tội phạm” trong Trần Thị Quang Vinh, *ltdđ* (5), tr. 158; Nguyễn Ngọc Hòa, Chương VIII “Mặt chủ quan của tội phạm” trong Nguyễn Ngọc Hòa, *ltdđ* (7), tr. 136.

hiện hành vi nguy hiểm để tất yếu gây ra hậu quả thì họ muốn hậu quả xảy ra. Trong các vụ án có sự xuất hiện của hành vi của nạn nhân trong chuỗi hành vi – hậu quả, vấn đề xác định lỗi sẽ phức tạp hơn rất nhiều. Dù có sự xuất hiện của hành vi của nạn nhân, người phạm tội vẫn có thể có lỗi cố ý trực tiếp nếu thỏa mãn điều kiện luật định. Ví dụ, A đuổi đánh B quyết liệt và đã vài lần đuổi kịp, chém B nhiều nhát vào vùng trọng yếu. B hoảng sợ, chạy vào con đường dẫn đến một vực rất sâu, thẳng đứng với nhiều đá to. Khi đến mép vực, B dừng lại. A đuổi đến và quát: “Mày không nhảy xuống, tao chém chết”. Quá sợ hãi, B nhảy xuống và chết. Trong trường hợp này, A có lỗi cố ý trực tiếp đối với cái chết của nạn nhân vì A thấy trước việc nhảy xuống vực rất sâu, thẳng đứng với nhiều đá to tất yếu sẽ gây thiệt hại đến tính mạng (xét về khả năng thấy trước một cách hợp lý, sống sót chỉ là trường hợp rất ngoại lệ, hy hữu và mang tính chất ngẫu nhiên).

Trên thực tế, cũng có những trường hợp, người phạm tội thấy trước hậu quả có thể xảy ra trong trường hợp phạm tội cụ thể của họ, không mong muốn nhưng để mặc thì phải bị xử lý về tội với lỗi cố ý gián tiếp. Án lệ số 59/2023/AL là một ví dụ mà chúng tôi sẽ bình luận về việc áp dụng pháp luật trong phần 2 của bài viết này.

Điều đáng lưu ý là đối với những trường hợp người phạm tội chỉ thấy trước hậu quả có thể xảy ra một cách chung chung và cho rằng trong trường hợp cụ thể của mình, hậu quả đó không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được, thì họ không có lỗi cố ý gián tiếp. Họ có thể có lỗi vô ý vì quá tự tin hoặc thậm chí, nếu người phạm tội không thể thấy trước một cách hợp lý về khả năng xảy ra hậu quả thì họ không có lỗi và hành vi tự định đoạt của nạn nhân làm đứt gãy chuỗi hành vi – hậu quả. Ví dụ: A đuổi đánh B ở vùng nông thôn trồng cây ăn trái có các kênh đào dẫn nước cho cây. Khoảng cách giữa A và B khá xa, A không nhìn thấy B ở phía trước nên A hô to “đứng lại, đứng lại”. B nghe thấy tiếng hô ở xa và cũng không nhìn thấy A. Để qua kênh, B quyết định nhảy xuống để lội qua cho nhanh thay vì đi trên cầu bắc ngang qua kênh (cầu làm bằng một thân cây dừa). Khi nhảy xuống kênh, B đã bị lún sâu do đất sình và bị nước tràn qua đầu, ngạt thở và chết. Trong trường hợp này, câu hỏi là A có thể thấy một cách cụ thể hành vi đuổi đánh của mình dẫn đến B nhảy xuống kênh và chết không? Nếu việc thấy trước này chỉ chung chung, trừu tượng thì A không có lỗi cố ý gián tiếp đối với cái chết của B. Để xác định đúng thái độ tâm lý của người phạm tội thì cần xem xét toàn diện tình tiết khách quan của vụ án và lời khai của các bên liên quan. Đối với tình huống này, có thể cân nhắc đến lỗi vô ý vì quá tự tin hoặc không có lỗi. Chẳng hạn, nếu khoảng cách giữa A và B rất xa, B đang ở nơi an toàn, không hoảng sợ. Hành vi của nạn nhân là hoàn toàn do nạn nhân tự ý, và người phạm tội không thể thấy trước một cách hợp lý thì người phạm tội không có lỗi đối với cái chết của nạn nhân.

Tóm lại, trong những vụ án có xuất hiện hành vi của nạn nhân trong chuỗi hành vi – hậu quả, để buộc người phạm tội chịu trách nhiệm về tội giết người, bên cạnh việc đánh giá các dấu hiệu thuộc mặt khách quan (đặc biệt là vấn đề quan hệ nhân quả), thì cần phải đánh giá kỹ lưỡng dấu hiệu thuộc mặt chủ quan (lỗi cố ý).

## **2. Xác định sự phù hợp giữa tình tiết khách quan với dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội giết người trong Án lệ số 59/2023/AL**

Tình huống của Án lệ số 59/2023/AL được tóm tắt như sau: “Vào khoảng 20 giờ ngày 20/12/2018, Đặng Văn T và Triệu Văn M dùng tay, chân đá, rồi sử dụng gậy kim loại đánh nhiều nhát vào đầu, mặt, tay, sườn, lưng của Nguyễn Ngọc V. Khi V điều khiển xe mô tô bỏ chạy thì T và M dùng xe mô tô tiếp tục truy đuổi theo V để đánh với vận tốc trên 50km/giờ. T cầm theo gậy sắt, còn M hô to “Đ\* mẹ chúng mày đứng lại”. V thấy vậy tăng ga bỏ chạy, khi đến ngã ba thuộc địa phận thôn 4, xã T, huyện Y do đi nhanh không làm chủ tay lái, V lao xe qua đường lên bãi đất trống

thì bị ngã xe và tử vong trên đường đi cấp cứu.”<sup>28</sup> Về đoạn đường, Bản án có nhận định về đoạn đường nơi V bị té ngã: “đường bê tông liên thôn có nhiều khúc cua liên tiếp, nhiều đoạn có độ dốc lớn trong điều kiện trời tối”.<sup>29</sup>

Trong tình huống Án lệ, hành vi té ngã của nạn nhân khi điều khiển xe máy gây ra cái chết của chính họ, câu hỏi rất quan trọng đặt ra là: giữa hành vi của những người phạm tội và hậu quả nạn nhân chết có tồn tại quan hệ nhân quả không? Áp dụng các lý luận ở trên, trong vụ án này, nạn nhân bỏ chạy là vì trước đó những người phạm tội đã dùng hung khí nguy hiểm (gậy kim loại) đánh nhiều nhát vào những vùng trọng yếu trên cơ thể nạn nhân (đầu, sườn). Nạn nhân chống cự nhưng không thành công. Sau khi nạn nhân bỏ chạy, những người phạm tội vẫn truy tìm, nạn nhân ngã và kiệt sức.<sup>30</sup> Khi nạn nhân đến được xe mô tô và dùng xe bỏ chạy thì những người phạm tội tiếp tục truy đuổi. Hành vi của những người phạm tội thể hiện sự quyết liệt, làm cho nạn nhân hoảng sợ. Việc nạn nhân điều khiển xe chạy nhanh với tốc độ cao để trốn khỏi sự truy đuổi của những người phạm tội là phản ứng có thể thấy trước một cách hợp lý và liên quan đến hành vi phạm tội.

Để truy cứu những người phạm tội về tội giết người, cần phải trả lời câu hỏi: hành vi truy đuổi bằng xe máy này có chứa đựng khả năng làm cho nạn nhân chết không? Trong vụ án, hành vi truy đuổi nạn nhân bằng xe máy chứa đựng khả năng thực tế làm cho nạn nhân hoảng loạn, không thể điều khiển xe một cách an toàn và có thể té ngã. Đoạn đường có nhiều khúc cua, dốc lớn và đặc biệt là nạn nhân hoảng loạn và chạy xe mô tô với tốc độ cao (khoảng 50 km/h). Với những tình tiết cụ thể đó, khả năng việc té ngã có thể gây thiệt hại về tính mạng là có thể thấy trước. Nói cách khác, tình huống của Án lệ thỏa mãn điều kiện có thể thấy trước một cách hợp lý là hành vi của những người phạm tội chứa đựng khả năng dẫn đến thiệt hại về tính mạng cho nạn nhân. Phản ứng của nạn nhân liên quan đến hành vi của những người phạm tội. Thiệt hại về tính mạng xảy ra trong thực tiễn chính là sự hiện thực hóa của khả năng đã nhìn thấy trước. Vì vậy, xét về lý luận đã phân tích ở trên, giữa hành vi của những người phạm tội và thiệt hại tính mạng của nạn nhân tồn tại quan hệ nhân quả.

Về khía cạnh chủ quan, Tòa án đã nhận định thuyết phục rằng người phạm tội có lỗi cố ý gián tiếp. Trong tình huống cụ thể của Án lệ, người phạm tội phải nhận thức được hành vi của họ là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả nguy hiểm đối với tính mạng của nạn nhân có thể xảy ra. Mặc dù thấy trước nạn nhân có thể té ngã và có thể chết, những người phạm tội vẫn truy đuổi nạn nhân trên một đoạn đường dài 1300 m đến khi nạn nhân ngã mới dừng lại. Điều này thể hiện thái độ bất chấp, để mặc, chấp nhận hậu quả chết người xảy ra.

Câu hỏi là những người phạm tội có mong muốn cái chết của nạn nhân không? Họ có lỗi cố ý trực tiếp không? Để đánh giá lỗi thì thái độ của người phạm tội khi thực hiện hành vi nguy hiểm có ý nghĩa quan trọng nhất. Thái độ trước và sau khi thực hiện hành vi khách quan của tội phạm chỉ có giá trị bổ trợ, làm sáng tỏ thêm khi chưa đầy đủ căn cứ để xác định thái độ tâm lý của người phạm tội khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Theo tình tiết khách quan của vụ án, khi thấy nạn nhân bị té xe, những người phạm tội dừng xe và quay về. Việc những người phạm tội dừng việc truy đuổi ngay khi thấy nạn nhân ngã xe mà chưa biết nạn nhân còn sống hay đã chết cho thấy họ không mong muốn cái chết của nạn nhân.

## Kết luận

Án lệ 59/2023/AL là một án lệ rất hay vì cung cấp cho lý luận một tình huống pháp lý đặc biệt cần phải được nghiên cứu và luận giải thấu đáo. Điều đáng chú ý là Án lệ này đưa ra giải pháp pháp lý phù hợp với khoa học pháp lý hình sự Việt Nam và cũng phù hợp với khoa học pháp lý nước ngoài vốn đã có bề dày lý luận về những trường hợp tương tự. Cụ thể, đối

28 Đoạn 3 Phần Nhận định của Tòa án tại Án lệ số 59/2023/AL.

29 Đoạn 4 Phần Nhận định của Tòa án tại Án lệ số 59/2023/AL.

30 Phần Nội dung vụ án tại Án lệ số 59/2023/AL.

với các vụ án có phát sinh hành vi của nạn nhân gây ra thiệt hại về tính mạng cho chính họ, người phạm tội vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả nếu thỏa mãn các tiêu chí: hành vi của nạn nhân có liên quan đến hành vi của người phạm tội và hành vi của nạn nhân có thể thấy trước một cách hợp lý. Nói cách khác, hành vi của người phạm tội là nguyên nhân thực tế và nguyên nhân chủ yếu đối với hậu quả. Những tiêu chí về quan hệ nhân quả trong khoa học pháp lý hình sự nước ngoài nên được tham khảo để làm rõ hơn về điều kiện cần và đủ của quan hệ nhân quả trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam.

Để áp dụng đúng Án lệ này vào các vụ án thực tế thì cơ quan và người có thẩm quyền cần đánh giá đầy đủ về quan hệ nhân quả và lỗi. Người áp dụng cần phải chỉ ra được những điểm tương đồng và đặc biệt là phải đánh giá đúng sự khác biệt giữa tình huống đang cần giải quyết với tình huống của Án lệ. Nếu người phạm tội có lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi vô ý đối với cái chết của nạn nhân, thì không thể áp dụng án lệ này.<sup>31</sup> Nếu giữa hành vi của người phạm tội với thiệt hại về tính mạng không có quan hệ nhân quả do hành vi của nạn nhân đã làm đứt gãy chuỗi hành vi – hậu quả thì cần xác định người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người. ●

### Tài liệu tham khảo

- [1] Án lệ số 59/2023/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào các ngày 01, 02, 03 tháng 02 năm 2023 và được công bố theo Quyết định số 39/QĐ-CA ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao [trans: Precedent No. 59/2023/AL was adopted by the Council of Judges of the Supreme People’s Court on 1, 2, and 3 February 2023 and was subsequently promulgated pursuant to Decision No. 39/QĐ-CA dated 24 February 2023 issued by the Chief Justice of the Supreme People’s Court]
- [2] Andrew Semester, “Causation in (Criminal) Law”, *Law Quarterly Review*, Vol. 133(3), 2017
- [3] Daniel James Bansal, *Causation in Criminal Law*, A thesis submitted to the University of Birmingham For the degree of Doctor of Philosophy, Birmingham Law School University of Birmingham, United Kingdom, May 2020
- [4] Eric Colvin, “Causation in Criminal Law”, *Bond Law Review*, Vol. 1(2), 1989
- [5] Erik Witjens, “Considering Causation in Criminal Law”, *The Journal of Criminal Law*, 78 JCL, 2014, doi:10.1350/jcla.2014.78.2.909
- [6] Joycelyn M. Pollock (10th Edition), *Criminal Law*, Routledge: Taylor & Francis Group, 2013
- [7] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm* (Quyển 1), Nxb. Công an Nhân dân, 2021 [trans: Nguyen Ngoc Hoa (ed.), *Vietnamese Criminal Law Textbook – Specific Offences (Volume 1)*, People’s Public Security Publishing House, 2021]
- [8] Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam – Tập 1*, Nxb. Công an Nhân dân, 2010 [trans: Nguyen Ngoc Hoa (ed.), *Vietnamese Criminal Law Textbook, Volume 1*, People’s Public Security Publishing House, 2010]
- [9] Trần Thị Quang Vinh (Chủ biên), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam* (Phần các tội phạm – Quyển 1) (Tái bản lần thứ nhất, có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam, 2019 [trans: Tran Thi Quang Vinh (ed.), *Vietnamese Criminal Law Textbook (Specific Offences – Volume 1)*, 1st revised and supplemented ed., Hồng Đức Publishing House – Vietnam Lawyers Association, 2019]
- [10] Võ Khánh Vinh (Chủ biên), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, 2009 [trans: Vo Khanh Vinh (ed.), *Textbook on Vietnamese Criminal Law*, People’s Public Security Publishing House, 2009]
- [11] Vu Thi Quyen, “Exclusionary rule of illegal evidence under China’s criminal procedure law and recommendations for Vietnam”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 12, No. 3, 2024, <https://doi.org/10.2478/vjls-2024-0021>

31 Lý do là vì Án lệ 59/2023/AL về lỗi cố ý gián tiếp. Khi đó, Án lệ 59/2023/AL có giá trị tham khảo về vấn đề xác định quan hệ nhân quả.